

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2023

“V/v Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 655/2023/QĐ ST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

(Anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2023 , bản tự khai và các văn bản tố tụng khác nguyên đơn anh Phạm Văn P trình bày: Anh và chị Phạm Thị T quen biết nhau qua mai mối, không tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào năm 2022, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng

chung sống với cha mẹ anh tại xã C, huyện P khoảng vài tháng thì chị T xuống phường B, thị xã A thuê nhà mở tiệm làm tóc. Cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc chị T không tôn trọng anh và cha mẹ anh, có lời nói xúc phạm đến anh và gia đình nên giữa vợ chồng thường có lời qua tiếng lại. Trước đây thỉnh thoảng anh đi làm có về tiệm tóc của chị T nhưng sau đó vợ chồng ngày càng mâu thuẫn căng thẳng nên anh về P ở. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2022 cho đến nay. Anh xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản tự khai ngày 01/3/2023 và các văn bản tố tụng khác bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P. Vợ chồng chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở xã C, huyện P. Cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc gia đình chồng kêu chị bỏ tiền ra xây nhà và bắt ép chị ở nhà nuôi cha mẹ chồng chứ không cho chị đi làm. Anh P lại nghe lời nhà chồng nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Chị sống với nhà chồng không hợp nên ở được mấy ngày thì chị bỏ về nhà mẹ chị ở xã N sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Đến ngày 25/02/2023, em rể chồng cầm dao đập phá bảng hiệu tiệm tóc của chị và đập mấy chậu bông, chị báo với anh P thì anh P nói việc ai làm nấy chịu nên xung đột vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P nên thống nhất ly hôn với anh Phạm Văn P.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Cho anh Phạm Văn P ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Không có con chung nên miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét

. Về án phí: Anh P chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2022, được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa anh P và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2023 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T vắng mặt không có lý do, chị không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị T cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Qua đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, cho anh ly hôn với chị Phạm Thị T.

[3] Về con chung: Anh P và chị T không có con chung nên miễn xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn P ly hôn đối với chị Phạm Thị T.

2/ Về con chung: Anh P và chị T không có con chung.

3/ Tài sản chung và nợ: Anh P và chị T không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Phạm Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005596 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã C, huyện P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh